

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

THUYẾT MINH

**DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH
VỊ TRÍ TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ
VÀ QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM
2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

THÁNG 10, NĂM 2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**THUYẾT MINH
DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH VỊ
TRÍ TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ
VÀ QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2030,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

**CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

THÁNG 10, NĂM 2022

MỤC LỤC

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ TOÁN	4
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ TOÁN.....	4
III. XÁC ĐỊNH CÁC ĐẦU MỤC CHI PHÍ XÂY DỰNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH.....	5
1. Chi phí hoạt động trực tiếp	6
2. Chi phí gián tiếp	6
2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch	6
2.2. Chi phí khảo sát thực tế.....	7
2.3. Chi phí tổ chức hội nghị	7
2.4. Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	8
IV. XÁC ĐỊNH CÁC ĐẦU MỤC CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH	8
1. Chi phí hoạt động trực tiếp	8
2. Chi phí gián tiếp	10
2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch	11
2.2. Chi phí tổ chức hội nghị	11
2.3. Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch.....	12
3. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; Chi phí kiểm toán độc lập	12
4. Chi phí dự phòng.....	12
V. TỔNG HỢP CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH	12
Phụ lục 1. Xác định chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	14
1. Xác định chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch.....	14
2. Xác định chi phí gián tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch	17
2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch	17
2.2 Chi phí khảo sát thực tế.....	18
2.3. Chi phí tổ chức hội nghị xin ý kiến lập nhiệm vụ quy hoạch	18
2.4. Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	20
3. Tổng chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	21
Phụ lục 2. Xác định chi phí trực tiếp lập quy hoạch	25
Phụ lục 3. Xác định chi phí dự phòng	35
Phụ lục 4. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và kiểm toán độc lập ..	38
Phụ lục 5. Tổng hợp tổng chi phí lập Quy hoạch.....	39

**THUYẾT MINH DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH
VỊ TRÍ TUYÊN TRÍ TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ
VÀ QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ TOÁN

- Chi phí lập quy hoạch phải được tính đúng, tính đủ, phù hợp với đặc điểm, tính chất và yêu cầu từng loại công việc được xác định trong nhiệm vụ quy hoạch.

- Việc xây dựng dự toán kinh phí phải đảm bảo bao quát toàn bộ các nội dung công việc sẽ triển khai trong quá trình lập quy hoạch và có tính đến những phát sinh (nếu có).

- Việc xây dựng dự toán kinh phí phải đảm bảo có căn cứ và tuân thủ các quy định của pháp luật về các định mức đối với từng nội dung có liên quan.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ TOÁN

- Căn cứ Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức trong hoạt động quy hoạch;

- Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch;

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

- Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013.

- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư liên tịch số 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn cơ chế tài chính và mức kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
- Thông tư số 72/2016/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động của dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- Thông tư số 06/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 28/1/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 15/07/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.
- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính về Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.
- Hướng dẫn số 241/HD-BVHTTDL ngày 21/01/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Lập (hoặc điều chỉnh) Quy hoạch quảng cáo ngoài trời.

III. XÁC ĐỊNH CÁC ĐẦU MỤC CHI PHÍ XÂY DỰNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

Theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Hướng dẫn số 241/HD-BVHTTDL ngày 21/01/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Lập (hoặc điều chỉnh) Quy hoạch quảng cáo ngoài trời, chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 bao gồm chi phí hoạt động trực tiếp và chi phí hoạt động gián tiếp.

1. Chi phí hoạt động trực tiếp

Chi phí hoạt động trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 là chi phí để thuê các mức chuyên gia được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch và Hướng dẫn số 241/HD-BVHTTDL ngày 21/01/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Lập (hoặc điều chỉnh) Quy hoạch quảng cáo ngoài trời để thực hiện các nội dung công việc cụ thể như sau:

Bảng 1: Chi tiết các mục chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung
1	Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ lập nhiệm vụ quy hoạch
2	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch
3	Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất
4	Xây dựng các dự thảo văn bản trình thẩm định và phê duyệt

2. Chi phí hoạt động gián tiếp

Đầu mục các chi phí hoạt động gián tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 được xác định theo quy định tại Điều 7 Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch.

Các đầu mục chi phí này được xác định theo bảng sau:

Bảng 2: Chi tiết các mục chi phí gián tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung
1	Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch
2	Chi phí khảo sát thực tế
3	Chi phí tổ chức xin ý kiến về lập nhiệm vụ quy hoạch
4	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch

2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn

Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 được xác định theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2.2. Chi phí khảo sát thực tế lập nhiệm vụ quy hoạch

Theo điểm e, khoản 1, điều 7 Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức trong hoạt động quy hoạch thì chi phí khảo sát thực tế gồm: chi phí khảo sát thực tế các huyện, thị xã, thành phố và làm việc với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về thống nhất các nội dung quy hoạch.

Dự kiến đoàn gồm 02 người đi khảo sát thực tế 12 ngày tại các sở, ban, ngành và thành phố, thị xã, huyện.

Đồng thời, căn cứ Hướng dẫn số 241/HD-BVHTTDL ngày 21/01/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Lập (hoặc điều chỉnh) Quy hoạch quảng cáo ngoài trời thì chi phí khảo sát phục vụ lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 được xác định như sau:

Bảng 3: Chi phí khảo sát thực tế lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung
1	Thiết bị định vị toàn cầu GPS: 01 cái x 12 ngày
2	Thuê máy ảnh KTS: 01 cái x 12 ngày
3	Tiền thuê phòng ngủ: 02 người x 12 ngày
4	Tiền ăn: 02 người x 12 ngày
5	Xe gầm cao khảo sát: 01 xe x 12 ngày

2.3. Chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về nhiệm vụ quy hoạch

Việc xác định chi phí tổ chức họp/ hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 căn cứ vào số lượng các cuộc hội nghị/ họp cần tổ chức để lấy ý kiến đối với các nội dung nhiệm vụ. Trên cơ sở dự tính số lượng người tham dự, để tính toán chi phí thực hiện nội dung này, bao gồm các chi phí:

- (1) Chi phí chủ trì;
- (2) Chi phí thư ký;
- (3) Chi phí thành viên tham dự;
- (4) Chi phí chuyên gia phản biện;
- (5) Chi phí cho bài viết nhận xét gửi hội nghị;
- (6) Chi phí in ấn tài liệu lấy ý kiến;
- (7) Chi phí nước uống;
- (8) Chi phí đi lại, lưu trú.

Các chi phí trên được thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Bảng 4: Dự kiến nội dung hội nghị và sản phẩm yêu cầu

STT	Nội dung hội nghị	Sản phẩm
1	Xin ý kiến các đơn vị có liên quan, đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch, làm rõ nội dung các định hướng đề ra trong đề cương nhiệm vụ và thống nhất về cách thức phối hợp giữa đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai.	<ul style="list-style-type: none"> - Lộ trình triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch; - Đề cương nhiệm vụ lập quy hoạch. - Báo cáo làm rõ các nội dung được đề ra trong đề cương nhiệm vụ.

2.4. Chi phí thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

Chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch được thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. Theo đó, chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 bằng 20% chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch.

IV. XÁC ĐỊNH CÁC ĐẦU MỤC CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH

Căn cứ nội dung công việc đã được xác định tại phần lập nhiệm vụ để xác định đầu mục chi phí lập quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035.

1. Chi phí hoạt động trực tiếp

Chi phí hoạt động trực tiếp lập quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2033 là chi phí để thuê các mức chuyên gia được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện các nội dung công việc cụ thể như sau:

Bảng 5: Các đầu mục chi phí hoạt động trực tiếp lập quy hoạch

TT	Nội dung
1	Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát thực trạng trạng hoạt động tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch liên quan
b	Thu thập thông tin về hoạt động tuyên truyền
c	Khảo sát, thu thập thông tin về hoạt động quảng cáo
d	Xử lý, tổng hợp thông tin

2	Thu thập thông tin dữ liệu, khảo sát các yếu tố về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền và quảng cáo ngoài trời
a	Thu thập số liệu, tài liệu về điều kiện tự nhiên
b	Thu thập số liệu, tài liệu về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương
c	Thu thập số liệu, tài liệu về mạng lưới giao thông
3	Đề xuất ý tưởng phát triển ngành trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch
b	Đề xuất ý tưởng phát triển ngành trong thời kỳ quy hoạch
4	Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tuyên truyền
a	Hiện trạng, thuận lợi, khó khăn
b	Thống nhất giữa đánh giá thực trạng hoạt động tuyên truyền với đánh giá hiện trạng quy hoạch
c	Đánh giá chung về thực trạng hoạt động tuyên truyền
5	Phân tích, đánh giá hoạt động quảng cáo ngoài trời
a	Hiện trạng, thuận lợi, khó khăn
b	Đánh giá chung về thực trạng hoạt động quảng cáo ngoài trời
6	Dự báo xu thế phát triển
a	Dự báo xu thế phát triển loại hình, phương tiện
b	Dự báo xu thế phát triển theo khu vực
c	Hoàn thiện nội dung dự báo xu thế phát triển
7	Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong không gian
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong không gian
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong không gian phù hợp với nội dung của quy hoạch
8	Hoàn thiện nội dung hợp phần ngành
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo xu thế phát triển
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện và dự kiến nguồn lực
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp
c.1	Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong không gian
c.2	Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch trong không gian

d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ
---	--

Việc tính tổng mức chi phí của hoạt động trực tiếp lập quy hoạch vị trí tuyến truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 được tính bằng theo Khoản 1 và Khoản 3, Phụ lục II - Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

$$C_{QHN} = C_{HPN} = C_{\text{chuẩnHPN}} \times K_2$$

Trong đó:

$C_{\text{chuẩnHPN}}$: Định mức trực tiếp lập hợp phần ngành chuẩn (mục B, Phụ lục IX-1).

K_1 : Hệ số địa bàn được xác định tại Phụ lục XII của Thông tư.

K_2 : Hệ số cấp độ lãnh thổ được xác định tại Phụ lục XIII của Thông tư.

$K = K_2 = 1$ (Đối với Hợp phần ngành trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

- Mức lương đối với chuyên gia tư vấn

Mức lương đối với chuyên gia tư vấn theo ngày được xác định theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH và được tính cụ thể theo công thức sau:

$$CG1 = 40.000.000 \text{ đồng}; 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 2.000.000 \text{ đồng/ngày}$$

$$CG2 = 30.000.000 \text{ đồng}; 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 1.500.000 \text{ đồng/ngày}$$

$$CG3 = 20.000.000 \text{ đồng}; 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 1.000.000 \text{ đồng/ngày}$$

$$CG4 = 15.000.000 \text{ đồng}; 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 750.000 \text{ đồng/ngày}$$

Bảng 6: Kinh phí cho mỗi hoạt động trực tiếp lập quy hoạch

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi cho hoạt động lập hợp phần quy hoạch chuẩn	Hệ số K (*) áp dụng đối với hợp phần quy hoạch $K=K_2$	Ngày công quy đổi theo từng loại hợp phần quy hoạch
1	Định mức cho hoạt động 1	CG	B_1	K	$B_1 \times K$
2	Định mức cho hoạt động 2	CG	B_2	K	$B_2 \times K$
...					
n	Định mức cho hoạt động n	CG	B_n	K	$B_n \times K$

2. Chi phí gián tiếp

Đầu mục các chi phí hoạt động gián tiếp được xác định theo quy định tại

Điều 7 Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch. Các đầu mục chi phí này được xác định theo bảng sau:

Bảng 7: Các đầu mục chi phí hoạt động gián tiếp lập quy hoạch

TT	Nội dung
1	Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch
2	Chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về quy hoạch
3	Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; Chi phí kiểm toán độc lập

2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn

Chi phí tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn được xác định theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, gồm:

- Lập hồ sơ mời thầu: Được xác định giá trị bằng 0,1% giá trị gói thầu.
- Thẩm định hồ sơ mời thầu: Được xác định bằng 0,05% giá trị gói thầu.
- Đánh giá hồ sơ dự thầu: Được xác định giá trị bằng 0,1% giá trị gói thầu.
- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Được xác định giá trị bằng 0,05% giá trị gói thầu.

2.2. Chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về quy hoạch

Trên cơ sở dự tính số lượng người tham dự, để tính toán chi phí thực hiện nội dung này, bao gồm các chi phí:

- (1) Chi phí chủ trì;
- (2) Chi phí thư ký;
- (3) Chi phí thành viên tham dự;
- (4) Chi phí chuyên gia phản biện;
- (5) Chi phí cho bài viết nhận xét gửi hội nghị;
- (6) Chi phí in ấn tài liệu lấy ý kiến;
- (7) Chi phí nước uống;
- (8) Chi phí đi lại, lưu trú.

Các chi phí trên được thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách

nhà nước và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Bảng 8: Dự kiến nội dung hội nghị và sản phẩm yêu cầu

STT	Nội dung hội nghị	Sản phẩm
1	Xin ý kiến, tham vấn các đơn vị có liên quan trong tỉnh và các chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan về dự thảo quy hoạch và các nội dung trong tâm được đơn vị tư vấn xây dựng theo nhiệm vụ.	- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến. - Dự thảo quy hoạch.
2	Hoàn thiện báo cáo quy hoạch trước khi Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt.	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến; hoàn thiện dự thảo quy hoạch trình.

2.3. Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch

Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, cụ thể:

- Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch bằng 9,7% chi phí trực tiếp lập quy hoạch.
- Chi phí công bố quy hoạch 3% chi phí trực tiếp lập quy hoạch.
- Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch bằng 8,8% chi phí trực tiếp lập QH.

3. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán độc lập

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí kiểm toán độc lập được xác định theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 về quy định quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

4. Chi phí dự phòng

Chi phí dự phòng được xác định bằng 10% của tổng các chi phí, bao gồm:

- Chi phí cho các hoạt động trực tiếp;
- Chi phí cho các hoạt động gián tiếp.

Chi phí dự phòng được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Chi phí phát sinh trong quá trình triển khai phục vụ việc lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch ngoài các chi phí đã được nêu trong phần dự toán.
- Chi phí thực tế chi cho các nội dung làm căn cứ để tính chi phí dự phòng lớn hơn chi phí được lập.
- Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**V. TỔNG HỢP CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH VỊ TRÍ TUYÊN TRÍ
TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ VÀ QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

Bảng 9: Tổng hợp chi phí lập quy hoạch

TT	Nội dung	Chi phí (VNĐ)
A	CHI PHÍ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH	141.400.000
I	Chi phí trực tiếp (bao gồm thuế)	33.000.000
1	Chi phí trực tiếp (chưa thuế)	30.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%	3.000.000
II	Chi phí gián tiếp	108.400.000
1	Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ	4.000.000
2	Chi phí khảo sát thực tế	49.200.000
3	Chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, xin ý kiến lập nhiệm vụ quy hoạch	49.200.000
4	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	6.000.000
B	CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH	806.695.000
I	Chi phí trực tiếp (bao gồm thuế)	630.300.000
1	Chi phí trực tiếp (chưa thuế)	573.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%	57.300.000
II	Chi phí gián tiếp	176.395.000
1	Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch	4.000.000
2	Chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về quy hoạch	49.200.000
3	Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch	123.195.000
C	CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN; KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	7.694.000
D	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	80.669.500
TỔNG CỘNG		1.036.458.500

Phụ lục 1

Xác định chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035

1. Xác định chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch

Định mức chi phí trực tiếp cho lập nhiệm vụ quy hoạch hợp phần ngành chuẩn được quy định tại mục A, phụ lục IX, Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn định mức cho hoạt động quy hoạch, không bao gồm định mức cho hoạt động gián tiếp.

- *Xác định mức chuyên gia và ngày công quy đổi để thực hiện các đầu mục công việc:*

Bảng 10: Xác định mức chuyên gia và ngày công quy đổi để thực hiện các đầu mục công việc

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi
1	Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG4	10
2	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG4	15
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG4	05
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG4	05
-	<i>Đối tượng, phạm vi lập quy hoạch</i>	<i>CG2, CG3, CG4</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>
-	<i>Nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch</i>	<i>CG2, CG3, CG4</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>
-	<i>Thực trạng và dự báo xu thế phát triển</i>	<i>CG2, CG3, CG4</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>
-	<i>Nội dung quy hoạch</i>	<i>CG2, CG3, CG4</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>
-	<i>Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch</i>	<i>CG2, CG3, CG4</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>
c	Xây dựng yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp lập quy	CG2, CG3, CG4	CG4	02

	hoạch			
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG4	03
3	Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG3, CG4	CG4	10
4	Xây dựng các dự thảo văn bản trình thẩm định và phê duyệt	CG3, CG4	CG4	5

- Xác định giá trị ngày công cho các mức chuyên gia:

Xác định giá trị ngày công cho các mức chuyên gia được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, điều 4 của Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước, cụ thể như sau:

- Giá trị ngày công CG1 = 40.000.000/26 x 1,3 = 2.000.000 đồng/ngày;
- Giá trị ngày công CG2 = 30.000.000/26 x 1,3 = 1.500.000 đồng/ngày;
- Giá trị ngày công CG3 = 20.000.000/26 x 1,3 = 1.000.000 đồng/ngày;
- Giá trị ngày công CG4 = 15.000.000/26 x 1,3 = 750.000 đồng/ngày.

* Áp giá trị ngày công của chuyên gia sử dụng vào bảng 8 để xác định giá trị của từng đầu mục công việc như bảng sau:

Bảng 11: Dự toán tổng mức kinh phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi	Hệ số cấp độ lãnh thổ	Giá ngày công tương ứng	Thành tiền (VNĐ)
1	Thu thập thông tin, dữ liệu	CG4	10	1	750.000	7.500.000
2	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	15	1	750.000	11.250.000
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
b	Xây dựng các yêu cầu về nội	CG4	05	1	750.000	3.750.000

	dung nhiệm vụ lập quy hoạch					
-	Đối tượng, phạm vi lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
-	Nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
-	Thực trạng và dự báo xu thế phát triển	CG4	05	1	750.000	3.750.000
-	Nội dung quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
-	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
c	Xây dựng yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp lập quy hoạch	CG4	04	1	750.000	3.000.000
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG4	01	1	750.000	750.000
3	Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG4	10	1	750.000	7.500.000
4	Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt	CG4	05	1	750.000	3.750.000
Tổng cộng			30.000.000 đồng			

2. Xác định chi phí gián tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch

2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch

Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn được xác định theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Do gói thầu “Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035” có giá trị 30.000.000 đồng (giá trị này bằng với định mức chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch, giá này cũng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), nên các khoản chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 được tính như sau:

- Chi phí lập hồ sơ mời thầu = $30.000.000 \times 0,1\% = 30.000$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu = $30.000.000 \times 0,05\% = 15.000$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu = $30.000.000 \times 0,1\% = 30.000$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu = $30.000.000 \times 0,05\% = 15.000$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

Dự toán tổng chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch được tính ở mức tối thiểu là: **4.000.000 đồng**.

Bảng 12: Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch	Thành tiền tính theo định mức % so với tổng chi phí trực tiếp nhiệm vụ lập QH (VND)	Thành tiền tính theo giá trị tối thiểu theo khoản Nghị định 63/2014/NĐ-CP (VND)
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,1%	30.000	1.000.000
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%	15.000	1.000.000
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,1%	30.000	1.000.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	15.000	1.000.000
Tổng cộng			4.000.000 đồng	

2.2 Chi phí khảo sát thực tế

Theo điểm e, khoản 1, điều 7 Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức trong hoạt động quy hoạch thì chi phí khảo sát thực tế gồm: chi phí khảo sát thực tế các huyện, thị xã, thành phố và làm việc với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về thống nhất các nội dung quy hoạch.

Dự kiến đoàn gồm 05 người đi khảo sát thực tế 10 ngày tại các sở, ban, ngành và thành phố, thị xã, huyện (tùy theo tình hình thực tế).

Đồng thời, căn cứ Hướng dẫn số 241/HD-BVHTTDL ngày 21/01/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Lập (hoặc điều chỉnh) Quy hoạch quảng cáo ngoài trời thì chi phí khảo sát phục vụ lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 được xác định như sau:

Bảng 13: Chi phí khảo sát thực tế lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Thiết bị định vị toàn cầu GPS: 01 cái x 12 ngày x 1.000.000 đ/ ngày	Ngày	12	1.000.000	12.000.000
2	Thuê máy ảnh KTS 01 cái x 12 ngày x 1.000.000 đ/ ngày	Cái	12	1.000.000	12.000.000
3	Tiền thuê phòng ngủ: 02 người x 12 ngày x 300.000đ/ người/ đêm	Người/đêm	24	350.000	8.400.000
4	Tiền ăn: 02 người x 12 ngày x 200.000đ/ người/ ngày	Người/ ngày	24	200.000	4.800.000
5	Xe gầm cao khảo sát: 01 xe x 12 ngày	Xe/ ngày	12	1.000.000	12.000.000
Tổng cộng		49.200.000 đồng			

2.3. Chi phí tổ chức hội nghị xin ý kiến lập nhiệm vụ quy hoạch

Việc xác định chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về lập nhiệm vụ quy hoạch căn cứ vào số lượng các buổi hội nghị cần tổ chức để lấy ý kiến đối với nhiệm vụ lập quy hoạch. Trên cơ sở dự tính số lượng người tham dự, để tính toán chi phí thực hiện nội dung này, bao gồm:

- Chi phí chủ trì hội nghị;

- Chi phí thư ký;
- Chi phí thành viên tham dự;
- Chi phí in ấn tài liệu;
- Chi phí nước uống.

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ tài chính và Bộ Khoa học và công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán chi phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị để xây dựng chi phí tổ chức hội nghị xin ý kiến về nhiệm vụ lập quy hoạch.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia như sau:

- Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;
- Thư ký: 500.000 đồng/buổi;
- Báo cáo trình bày ý kiến: 2.000.000 đồng/báo cáo;
- Thành viên tham gia: 200.000 đồng/thành viên/buổi.
- Tài liệu: Theo thực tế
- Thuê Hội trường: Theo thực tế

Theo quy định tại khoản 1, Điều 6; điểm b, khoản 2, Điều 7 và khoản 3, Điều 12 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị các mức chi phục vụ cho tổ chức hội nghị, hội thảo xin ý kiến về nhiệm vụ lập quy hoạch được thể hiện như sau:

- Chi phụ cấp lưu trú: 200.000 đồng/ngày/người;
- Chi thuê phòng nghỉ: 350.000 đồng/ngày/người;
- Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/người/buổi.

Căn cứ nội dung, tiến độ công việc xây dựng nhiệm vụ, đề xuất tổ chức 01 buổi hội nghị họp xin ý kiến của các Sở, ngành và các đơn vị trong tỉnh; các chuyên gia trong việc xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và dự toán gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Căn cứ thành phần tham dự, số lượng, chi phí tổ chức hội nghị phục vụ lập nhiệm vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 được xác định như sau:

Bảng 14: Chi phí tổ chức hội nghị xin ý kiến nhiệm vụ lập quy hoạch

TT	Nội dung	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
01	Chủ trì	01 người x 2 buổi	1.500.000	3.000.000	Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN
02	Thư ký	01 người x 2 buổi	500.000	1.000.000	Thông tư số 55/2015/TTLT

					-BTC-BKHCN
03	Đại biểu: 30 người	30 người x 2 buổi	200.000	12.000.000	Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN
04	Giải khát giữa giờ	30 người x 2 buổi	20.000	1.200.000	Thông tư số 40/2017/TT- BTC
05	Thuê Hội trường	2 buổi	5.000.000	10.000.000	Hóa đơn TT
06	Tài liệu	30 bộ	100.000	3.000.000	Hóa đơn TT
07	Chi phí chuyên gia phản biện (02 người)				
a	Bài trình bày phản biện đối với nội dung nhiệm vụ	02 bài x 02 buổi	2.000.000	8.000.000	Thông tư số 40/2017/TT- BTC
b	Thuê xe từ SG - ĐX và ngược lại	4 lượt/ 2 đợt	2.000.000	8.000.000	Hóa đơn TT
c	Tiền phòng nghỉ chuyên gia	2 đêm/ 2 phòng	350.000	1.400.000	Thông tư số 40/2017/TT- BTC
d	Phụ cấp lưu trú	4 ngày/ 2 đợt	200.000	1.600.000	Thông tư số 40/2017/TT- BTC
Tổng cộng			49.200.000 đồng		

2.4. Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch

Chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch được thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. Theo đó, chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 bằng 20% chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch.

Bảng 15: Chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	6.000.000	20% của 30.000.000 đ
Tổng cộng		6.000.000 đồng	

3. Tổng chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch

Trên cơ sở tính toán các loại chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ cho nhiệm vụ lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035, dự toán tổng chi phí xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 (bao gồm thuế) là **141.400.000 đồng**, cụ thể như sau:

Bảng 16: Tổng hợp chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch

TT	Nội dung	Chi phí
A	Chi phí trực tiếp (bao gồm thuế)	33.000.000
1	Chi phí trực tiếp (chưa thuế)	30.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%	3.000.000
B	Chi phí gián tiếp	108.400.000
1	Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch	4.000.000
2	Chi phí khảo sát thực tế	49.200.000
3	Chi phí tổ chức hội nghị xin ý kiến lập nhiệm vụ quy hoạch	49.200.000
4	Chi phí thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	6.000.000
Tổng cộng		141.400.000

Bảng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng.

Phụ lục 2

Xác định chi phí lập quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035

1. Xác định chi phí trực tiếp lập quy hoạch

Định mức chi phí trực tiếp cho lập quy hoạch hợp phần ngành chuẩn được quy định tại mục B, phụ lục IX, Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn định mức cho hoạt động quy hoạch, không bao gồm định mức cho hoạt động gián tiếp.

- *Xác định mức chuyên gia và ngày công quy đổi để thực hiện các đầu mục công việc:*

Bảng 17: Xác định mức chuyên gia và ngày công quy đổi để thực hiện các đầu mục công việc lập quy hoạch

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi
1	Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng quảng cáo ngoài trời			
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3, CG4	CG3	12
b	Thu thập thông tin	CG3, CG4	CG3	12
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3, CG4	CG3	12
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG2, CG3, CG4	CG3	8
2	Phân tích, đánh giá về các yếu tố điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền và quảng cáo ngoài trời			
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố điều kiện tự nhiên	CG3, CG4	CG3	8
b	Phân tích, đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội	CG3, CG4	CG3	8
c	Phân tích, đánh giá mạng lưới giao thông	CG3, CG4	CG3	8
3	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch			
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy	CG3, CG4	CG3	8

	hoạch			
b	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG3	22
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng ngành tại thời điểm xây dựng quy hoạch			
a	Phân tích thực trạng hoạt động tuyên truyền	CG3, CG4	CG3	17
b	Phân tích thực trạng hoạt động quảng cáo ngoài trời	CG3, CG4	CG3	17
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG2, CG3, CG4	CG3	17
5	Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành			
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành	CG3, CG4	CG3	12
b	Thống nhất nội dung phân tích các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG3	8
6	Dự báo xu thế phát triển trong thời kỳ quy hoạch			
a	Dự báo xu thế phát triển loại hình, phương tiện	CG3, CG4	CG3	50
b	Dự báo xu thế phát triển theo khu vực	CG3, CG4	CG3	50
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển	CG2, CG3, CG4	CG3	44
7	Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch			
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3, CG4	CG3	17
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3, CG4	CG3	41
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong không gian phù hợp với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	CG3	44

8	Hoàn thiện nội dung hợp phần ngành			
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo xu thế phát triển	CG2, CG3, CG4	CG3	44
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG2, CG3, CG4	CG3	28
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp hợp phần ngành			
c.1	Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3, CG4	CG3	25
c.2	Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3, CG4	CG3	33
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG2, CG3, CG4	CG3	28

- Xác định giá trị ngày công cho các mức chuyên gia:

Xác định giá trị ngày công cho các mức chuyên gia được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, điều 4 của Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước, cụ thể:

- Giá trị ngày công CG1 = $40.000.000/26 \times 1,3 = 2.000.000$ đồng/ngày;
- Giá trị ngày công CG2 = $30.000.000/26 \times 1,3 = 1.500.000$ đồng/ngày;
- Giá trị ngày công CG3 = $20.000.000/26 \times 1,3 = 1.000.000$ đồng/ngày;
- Giá trị ngày công CG4 = $15.000.000/26 \times 1,3 = 750.000$ đồng/ngày.

* Áp giá trị ngày công của chuyên gia sử dụng vào bảng sau để xác định giá trị của từng đầu mục công việc như bảng sau:

Bảng 18: Dự toán tổng mức kinh phí trực tiếp lập quy hoạch

TT	Nội dung	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi	Hệ số cấp độ lãnh thổ	Giá ngày công tương ứng	Thành tiền (VNĐ)
1	Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng quảng cáo ngoài trời					44.000.000
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
b	Thu thập thông tin	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
2	Phân tích, đánh giá về các yếu tố điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền và quảng cáo ngoài trời					24.000.000
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố điều kiện tự	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000

	nhiên					
b	Phân tích, đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
c	Phân tích, đánh giá mạng lưới giao thông	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
3	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch					30.000.000
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
b	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch	CG3	22	1	1.000.000	22.000.000
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng ngành tại thời điểm xây dựng quy hoạch					51.000.000
a	Phân tích thực trạng hoạt động tuyên truyền	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
b	Phân tích thực trạng hoạt động quảng cáo ngoài trời	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
5	Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành					20.000.000
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
b	Thống nhất nội	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000

	dung phân tích các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành với nội dung của quy hoạch					
6	Dự báo xu thế phát triển trong thời kỳ quy hoạch					144.000.000
a	Dự báo xu thế phát triển loại hình, phương tiện	CG3	50	1	1.000.000	50.000.000
b	Dự báo xu thế phát triển theo khu vực	CG3	50	1	1.000.000	50.000.000
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000
7	Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch					102.000.000
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3	41	1	1.000.000	41.000.000
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong không gian phù hợp với nội dung của quy hoạch	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000
8	Hoàn thiện nội dung hợp phần ngành					158.000.000
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng ngành	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000

b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG3	28	1	1.000.000	28.000.000
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp hợp phần ngành	CG3				
c.1	<i>Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong không gian</i>	CG3	25	1	1.000.000	25.000.000
c.2	<i>Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch trong không gian</i>	CG3	33	1	1.000.000	33.000.000
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG3	28	1	1.000.000	28.000.000
Tổng cộng		573.000.000 đồng				

2. Xác định chi phí gián tiếp lập quy hoạch

2.1. Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch

Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn được xác định theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Do gói thầu “Tư vấn lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035” có giá trị 573.000.000 đồng (giá trị này bằng với định mức chi phí trực tiếp lập quy hoạch, giá này cũng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), nên các khoản chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 được tính như sau:

- Chi phí lập hồ sơ mời thầu = $573.000.000 \times 0,1\% = 573.000$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu = $573.000.000 \times 0,05\% = 286.500$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu = $573.000.000 \times 0,1\% = 573.000$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức tối thiểu là 1.000.000 đồng.

- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu = $573.000.000 \times 0,05\% = 286.500$ đồng, do nhỏ hơn mức tối thiểu nên chọn mức là 1.000.000 đồng.

Dự toán tổng chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch được tính ở mức tối thiểu là: **4.000.000 đồng**.

Bảng 19: Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch

TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch	Thành tiền tính theo định mức % so với tổng chi phí trực tiếp nhiệm vụ lập QH (VND)	Thành tiền tính theo giá trị tối thiểu theo khoản Nghị định 63/2014/NĐ-CP (VND)
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,1%	573.000	1.000.000
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%	286.500	1.000.000
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,1%	573.000	1.000.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	286.500	1.000.000
Tổng cộng			4.000.000 đồng	

2.2. Xác định chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về lập quy hoạch

Việc xác định chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về lập quy hoạch căn cứ vào số lượng các buổi hội nghị cần tổ chức để lấy ý kiến đối với các nội dung cần thiết đã được xác định trong phần nhiệm vụ. Trên cơ sở dự tính số lượng người tham dự, để tính toán chi phí thực hiện nội dung này, bao gồm:

- Chi phí chủ trì hội nghị;
- Chi phí thư ký;
- Chi phí thành viên tham dự;
- Chi phí in ấn tài liệu;

- Chi phí nước uống.

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ tài chính và Bộ Khoa học và công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán chi phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị để xây dựng chi phí tổ chức hội nghị xin ý kiến về nhiệm vụ lập quy hoạch.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia như sau:

- Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;
- Thư ký: 500.000 đồng/buổi;
- Báo cáo trình bày ý kiến: 2.000.000 đồng/báo cáo;
- Thành viên tham gia: 200.000 đồng/thành viên/buổi.
- Tài liệu: Theo thực tế
- Thuê Hội trường: Theo thực tế

Theo quy định tại khoản 1, Điều 6; điểm b, khoản 2, Điều 7 và khoản 3, Điều 12 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị các mức chi phục vụ cho tổ chức hội nghị, hội thảo xin ý kiến về nhiệm vụ lập quy hoạch được thể hiện như sau:

- Chi phụ cấp lưu trú: 200.000 đồng/ngày/người;
- Chi thuê phòng nghỉ: 350.000 đồng/ngày/người;
- Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/người/buổi.

Căn cứ nội dung, tiến độ công việc xây dựng nhiệm vụ, đề xuất tổ chức 01 buổi hội nghị họp xin ý kiến của các Sở, ngành và các đơn vị trong tỉnh trong việc hoàn thiện lập quy hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Căn cứ thành phần tham dự, số lượng, chi phí tổ chức hội nghị phục vụ lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 được xác định như sau:

Bảng 20: Dự kiến chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, cộng đồng về lập quy hoạch

TT	Nội dung	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
01	Chủ trì	01 người x 2 buổi	1.500.000	3.000.000	Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN
02	Thư ký	01 người x 2 buổi	500.000	1.000.000	Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN

03	Đại biểu: 30 người	30 người x 2 buổi	200.000	12.000.000	Thông tư số 55/2015/TTLT -BTC-BKHCN
04	Giải khát giữa giờ	30 người x 2 buổi	20.000	1.200.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
05	Thuê Hội trường	2 buổi	5.000.000	10.000.000	Hóa đơn TT
06	Tài liệu	30 bộ	100.000	3.000.000	Hóa đơn TT
07	Chi phí chuyên gia phản biện (02 người)				
a	Bài trình bày phản biện đối với nội dung nhiệm vụ	02 bài x 02 buổi	2.000.000	8.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
b	Thuê xe từ SG - ĐX và ngược lại	4 lượt/ 2 đợt	2.000.000	8.000.000	Hóa đơn TT
c	Tiền phòng nghỉ chuyên gia	2 đêm/ 2 phòng	350.000	1.400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
d	Phụ cấp lưu trú	4 ngày/ 2 đợt	200.000	1.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
Tổng cộng			49.200.000 đồng		

2.3. Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch

Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, cụ thể:

- Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 bằng 9,7% chi phí trực tiếp lập quy hoạch;

- Chi phí công bố quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 bằng 3% chi phí trực tiếp lập quy hoạch;

- Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 bằng 8,8% chi phí trực tiếp lập quy hoạch.

Bảng 21: Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch

TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập QH	Thành tiền (VNĐ)
1	Thẩm định, phê duyệt QH	9,7	55.581.000
2	Công bố quy hoạch	3	17.190.000
3	Quản lý nghiệp vụ quy hoạch	8,8	50.424.000
Tổng cộng			123.195.000

3. Tổng chi phí lập quy hoạch

Trên cơ sở tính toán các loại chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ cho việc lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035, dự toán tổng chi phí lập quy hoạch vị trí tuyên truyền và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến 2035 (bao gồm thuế) là **806.695.000 đồng**, cụ thể như sau:

Bảng 22: Tổng hợp chi phí lập quy hoạch

TT	Nội dung	Chi phí
I	Chi phí trực tiếp (bao gồm thuế)	630.300.000
1	Chi phí trực tiếp (chưa thuế)	573.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%	57.300.000
II	Chi phí gián tiếp	176.395.000
1	Chi phí lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch	4.000.000
2	Chi phí tổ chức hội nghị tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến cộng đồng về quy hoạch	49.200.000
3	Chi phí thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch	123.195.000
Tổng cộng		806.695.000

Phụ lục 3

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; Chi phí kiểm toán độc lập

Theo thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước, chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới đây:

Bảng 23: Định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

Loại chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ (tỷ đồng)						
	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069
Thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

Định mức chi phí kiểm toán độc lập và định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án hoàn thành được xác định theo công thức sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó:

- + K_i : Định mức chi phí tương ứng với dự án cần tính (đơn vị tính: %).
- + K_a : Định mức chi phí tương ứng với dự án cận trên (đơn vị tính: %).
- + K_b : Định mức chi phí tương ứng với dự án cận dưới (đơn vị tính: %).
- + G_i : Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ cần tính (đơn vị tính: Tỷ đồng).
- + G_a : Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ cận trên (đơn vị tính: Tỷ đồng).
- + G_b : Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ cận dưới (đơn vị tính: Tỷ đồng).
- Chi phí kiểm toán độc lập của dự án = K_i kiểm toán độc lập × G_i + VAT 10%
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán = K_i thẩm tra phê duyệt quyết toán × G_i

* **Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ chi phí dự phòng (Gi)** = (chi phí lập nhiệm vụ QH (141.4.000.000 đồng) + chi phí lập QH (806.695.000 đồng) - chi phí dự phòng (80.669.500 đồng) = **867.425.500** (đồng)

Như vậy:

* Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán = 6.592.000 (đồng) (đã làm tròn số).

* Chi phí kiểm toán độc lập = 1.102.000 (đồng) (đã làm tròn số).

Bảng 24: Xác định chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; Chi phí kiểm toán độc lập

STT	Nội dung	Chi phí (VNĐ)
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	6.592.000
2	Chi phí kiểm toán độc lập	1.102.000
Tổng cộng		7.694.000 đồng

Phụ lục 4
Xác định chi phí dự phòng

Chi phí dự phòng được xác định bằng 10% tổng chi phí lập quy hoạch:

- Chi phí hoạt động trực tiếp;
- Chi phí hoạt động gián tiếp.

Bảng 25: Xác định chi phí dự phòng

STT	Nội dung	Chi phí (VNĐ)
1	Chi phí hoạt động trực tiếp	630.300.000
2	Chi phí hoạt động gián tiếp	176.395.000
Tổng chi phí để tính chi phí dự phòng		806.695.000
Chi phí dự phòng = 10% x Tổng chi phí để tính chi phí dự phòng		80.669.500

Phụ lục 5

**TỔNG HỢP KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH VỊ TRÍ TUYÊN TRUYỀN
CHÍNH TRỊ VÀ QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

A	XÂY DỰNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH, LẬP DỰ TOÁN					141.400.000
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					33.000.000
TT	Nội dung	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi	Hệ số cấp độ lãnh thổ (K2)	Giá ngày công tương ứng loại chuyên gia	Thành tiền (VNĐ)
1	Thu thập thông tin, dữ liệu	CG4	10	1	750.000	7.500.000
2	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	15	1	750.000	11.250.000
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
-	<i>Đối tượng, phạm vi lập quy hoạch</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Thực trạng và dự báo xu thế phát triển</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Nội dung quy hoạch</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Thành phần, số lượng, tiêu</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>

	<i>chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch</i>					
c	Xây dựng yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp lập quy hoạch	CG4	02	1	750.000	1.500.000
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG4	03	1	750.000	2.250.000
3	Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG4	10	1	750.000	7.500.000
4	Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt	CG4	5	1	750.000	3.750.000
5	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%					3.000.000
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP					108.400.000
1	Lựa chọn tổ chức tư vấn					4.000.000
TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch		Thành tiền tính theo định mức % so với tổng chi phí trực tiếp nhiệm vụ lập QH (VND)		Thành tiền tính theo giá trị tối thiểu theo ND 63/2014/ND-CP của CP
a	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,1%		573.000		1.000.000
b	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		286.500		1.000.000

c	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,1%	573.000	1.000.000
d	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	286.500	1.000.000
2	Khảo sát thực tế			49.200.000
TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
a	Thiết bị định vị toàn cầu GPS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
b	Thuê máy ảnh KTS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
c	Tiền thuê phòng ngủ: 02 người x 12 ngày	24	350.000	8.400.000
d	Tiền ăn: 02 người x 12 ngày	24	200.000	4.800.000
e	Xe gôm cao khảo sát: 01 xe x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
3	Tổ chức tham vấn lấy ý kiến về lập nhiệm vụ quy hoạch			
TT	Nội dung	Quy cách	Đơn giá	Thành tiền
a	Chủ trì	01 người x 2 buổi	1.500.000	3.000.000
b	Thư ký	01 người x 2 buổi	500.000	1.000.000
c	Đại biểu	30 người x 2 buổi	200.000	12.000.000
d	Giải khát	30 người x 2 buổi	20.000đ/ người	1.200.000
đ	Thuê Hội trường	2 buổi	5.000.000/ buổi	10.000.000
g	Tài liệu	30	100.000	3.000.000
h	Chi phí chuyên gia phản biện	02 người		
-	Bài trình bày ý kiến phản biện	02 bài x 02	2.000.000 đồng/bài/ buổi	8.000.000

	<i>đối với nội dung nhiệm vụ</i>	<i>buổi</i>				
-	<i>Thuê xe từ TP. HCM về ĐX và ngược lại</i>	<i>4 lượt/ 2 đợt</i>		<i>2.000.000 đồng/lượt/đợt</i>		<i>8.000.000</i>
-	<i>Tiền phòng nghỉ</i>	<i>4 đêm/ 2 đợt</i>		<i>2 người x 350.000 đồng/người/đêm x 2 đợt</i>		<i>1.400.000</i>
-	<i>Phụ cấp lưu trú</i>	<i>4 ngày/ 2 đợt</i>		<i>2 người x 200.000đ/ngày x 2 ngày x 2 đợt</i>		<i>1.600.000</i>
4	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch					6.000.000
B	LẬP QUY HOẠCH					806.695.000
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					630.300.000
TT	Nội dung	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi	Hệ số cấp độ lãnh thổ (K2)	Giá ngày công tương ứng loại chuyên gia	Thành tiền (VNĐ)
1	Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng quảng cáo ngoài trời					44.000.000
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
b	Thu thập thông tin	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
2	Phân tích, đánh giá về các yếu tố điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền và quảng cáo ngoài trời					24.000.000
a	Phân tích, đánh giá yếu tố điều	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000

	kiện tự nhiên					
b	Phân tích, đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
c	Phân tích, đánh giá mạng lưới giao thông	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
3	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch					30.000.000
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
b	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch	CG3	22	1	1.000.000	22.000.000
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng ngành tại thời điểm xây dựng quy hoạch					51.000.000
a	Phân tích thực trạng hoạt động tuyên truyền	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
b	Phân tích thực trạng hoạt động quảng cáo ngoài trời	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
5	Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động					20.000.000
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
b	Thống nhất nội dung phân tích các yếu tố bên	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000

	ngoài tác động đến ngành với nội dung của quy hoạch					
6	Dự báo xu thế phát triển trong thời kỳ quy hoạch					144.000.000
a	Dự báo xu thế phát triển loại hình, phương tiện	CG3	50	1	1.000.000	50.000.000
b	Dự báo xu thế phát triển theo khu vực	CG3	50	1	1.000.000	50.000.000
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000
7	Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch					102.000.000
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3	41	1	1.000.000	41.000.000
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong không gian phù hợp với nội dung của quy hoạch	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000
8	Hoàn thiện nội dung hợp phần ngành					158.000.000
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng ngành	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000

b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG3	28	1	1.000.000	28.000.000
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp hợp phần ngành	CG3				
c.1	<i>Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong không gian</i>	CG3	25	1	1.000.000	25.000.000
c.2	<i>Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch trong không gian</i>	CG3	33	1	1.000.000	33.000.000
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG3	28	1	1.000.000	28.000.000
9	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%					57.300.000
I	CHI PHÍ GIÁN TIẾP					176.395.000
1	Lựa chọn tổ chức tư vấn					4.000.000
TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch	Thành tiền tính theo định mức % so với tổng chi phí trực tiếp nhiệm vụ lập QH (VND)	Thành tiền tính theo giá trị tối thiểu theo ND 63/2014/NĐ-CP của CP		
a	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,1%	573.000	1.000.000		

b	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%	286.500	1.000.000
c	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,1%	573.000	1.000.000
d	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	286.500	1.000.000
2	Khảo sát thực tế			49.200.000
TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
a	Thiết bị định vị toàn cầu GPS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
b	Thuê máy ảnh KTS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
c	Tiền thuê phòng ngủ: 02 người x 12 ngày	24	350.000	8.400.000
d	Tiền ăn: 02 người x 12 ngày	24	200.000	4.800.000
e	Xe găm cao khảo sát: 01 xe x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
3	Tổ chức hội nghị họp tham vấn lấy ý kiến về lập nhiệm vụ quy hoạch			49.200.000
TT	Nội dung	Quy cách	Đơn giá	Thành tiền
a	Chủ trì	01 người x 2 buổi	1.500.000	3.000.000
b	Thư ký	01 người x 2 buổi	500.000	1.000.000
c	Đại biểu	30 người x 2 buổi	200.000	12.000.000
d	Giải khát	30 người x 2 buổi	20.000đ/ người	1.200.000
đ	Thuê Hội trường	2 buổi	5.000.000/ buổi	10.000.000

g	Tài liệu	30	100.000	3.000.000
h	Chi phí chuyên gia phản biện	02 người		
-	<i>Bài trình bày ý kiến phản biện đối với nội dung nhiệm vụ</i>	<i>02 bài x 02 buổi</i>	<i>2.000.000 đồng/bài/ buổi</i>	<i>8.000.000</i>
-	<i>Thuê xe đưa rước từ TP. HCM về ĐX và ngược lại</i>	<i>4 lượt/ 2 đợt</i>	<i>2.000.000 đồng/lượt/đợt</i>	<i>8.000.000</i>
-	<i>Tiền phòng nghỉ chuyên gia</i>	<i>4 đêm/ 2 đợt</i>	<i>2 người x 350.000 đồng/người/đêm x 2 đợt</i>	<i>1.400.000</i>
-	<i>Phụ cấp lưu trú</i>	<i>4 ngày/ 2 đợt</i>	<i>2 người x 200.000đ/ngày x 2 ngày x 2 đợt</i>	<i>1.600.000</i>
4	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch			123.195.000
TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập QH		Thành tiền
a	Thẩm định, phê duyệt QH	9,7		55.581.000
b	Công bố quy hoạch	3		17.190.000
c	Quản lý nghiệp vụ quy hoạch	8,8		50.424.000
C	THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN; KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP			7.694.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			6.592.000
2	Chi phí kiểm toán độc lập			1.102.000
D	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			80.669.500
TỔNG CỘNG (A) + (B) + (C) + (D) = 1.036.458.500 ĐỒNG				